

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌI - KHỐI 11 (BUỔI CHIỀU)

NĂM HỌC 2026 - 2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY 14/9/2026)

Thứ	Tiết	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11D1	11D2	11D3
Thứ 2	1	Ngữ văn Phạm Hương	Hóa học Ngọc Toàn	Anh NN	Khởi nghiệp Sơn Đại	Toán Gia Khánh	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương	Ngữ văn Mai Linh	Toán Châu Anh
	2	Ngữ văn Phạm Hương	Khởi nghiệp Sơn Đại	Anh NN	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Toán Gia Khánh	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương	Ngữ văn Mai Linh	Toán Châu Anh
	3	Sinh học Võ Hải	Tin học Ngọc Tuyền	Khởi nghiệp Sơn Đại	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Hóa học Ngọc Toàn	Vật lý Thành Nam	Ngữ văn Phạm Hương	Tiếng Anh Hà Phương	Tiếng Anh Kiều Thắng
	4	Tiếng Anh Thúy Loan	Tin học Ngọc Tuyền	Toán Nguyễn Phương	Tiếng Anh Phương Anh	Tin học Hải Tiếp	Vật lý Thành Nam	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Hà Phương	Khởi nghiệp Sơn Đại
	5	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ
Thứ 3	1	Toán Tạ Cường	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Vật lý Thành Nam	Lịch sử Trần Thúy	KTPL Thu Hà	Anh NN	Địa lí Diệu Thúy
	2	Toán Tạ Cường	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Vật lý Thành Nam	KTPL Ngô Cúc	Lịch sử Phạm Thủy	Anh NN	KTPL Thu Hà
	3	Anh NN	Lịch sử Trần Thúy	Tin học Ngọc Tuyền	Toán Tạ Cường	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tin học Hải Tiếp	Anh NN	Công nghệ Tiến Dũng	KTPL Thu Hà
	4	Anh NN	Toán Lê Cường	Tiếng Anh Hương Thảo	Toán Tạ Cường	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh Minh Huệ	Anh NN	Công nghệ Tiến Dũng	Lịch sử Trần Thúy
	5	Tin học Bá Đại	Toán Lê Cường	Tiếng Anh Hương Thảo	Tin học Hải Tiếp			Công nghệ Tiến Dũng		Lịch sử Trần Thúy
Thứ 4	1	Vật lý Trường Nghiêm	Sinh học Viết Thắng	Hóa học Hong Nhung	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Trịnh Lan	Ngữ văn Phạm Hương	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	Ngữ văn Minh Trang
	2	Vật lý Trường Nghiêm	Sinh học Viết Thắng	Ngữ văn Trịnh Lan	Lịch sử Phạm Thủy	Ngữ văn Mai Linh	Hóa học Hong Nhung	Ngữ văn Phạm Hương	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Kiều Thắng
	3	Ngữ văn Phạm Hương	Vật lý Thành Nam	Ngữ văn Trịnh Lan	KTPL Vũ Anh	Lịch sử Phạm Thủy	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	Công nghệ Tiến Dũng	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Kiều Thắng
	4	Lịch sử Trần Thúy	Vật lý Thành Nam	Tiếng Anh Hương Thảo	Tiếng Anh Phương Anh	KTPL Vũ Anh	Tin học Hải Tiếp	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	Vật lý Trường Nghiêm	Công nghệ Thúy Hà
	5		Tiếng Anh Thúy Linh	Lịch sử Trần Thúy	Tiếng Anh Phương Anh	Toán Gia Khánh	Tin học Hải Tiếp	Lịch sử Phạm Thủy	Vật lý Trường Nghiêm	Sinh học Thúy Hà
Thứ 5	1	Toán Tạ Cường	Toán Lê Cường	Vật lý Văn Hòa	Anh NN	Anh NN	Anh NN	Địa lí Thanh Xuân	Toán Gia Khánh	Toán Châu Anh
	2	Toán Tạ Cường	Toán Lê Cường	Vật lý Văn Hòa	Anh NN	Anh NN	Anh NN	KTPL Thu Hà	Toán Gia Khánh	Toán Châu Anh
	3	Tiếng Anh Thúy Loan	Anh NN	KTPL Ngô Cúc	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Địa lí Thanh Xuân	Anh NN
	4	Tiếng Anh Thúy Loan	Anh NN	KTPL Ngô Cúc	Toán Tạ Cường	Khởi nghiệp Trần Ngọc	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	KTPL Thanh Nga	Anh NN
	5	Khởi nghiệp Trần Ngọc				Tin học Hải Tiếp	KTPL Ngô Cúc		KTPL Thanh Nga	
Thứ 6	1	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh Thúy Linh	Tin học Ngọc Tuyền	Ngữ văn Hoàng Khuyến	HĐTNHN Ngọc Toàn	Ngữ văn Trịnh Lan	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Minh Trang
	2	Sinh học Võ Hải	Tiếng Anh Thúy Linh	Tin học Ngọc Tuyền	HĐTNHN Hoàng Khuyến	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Trịnh Lan	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Hà Phương	Ngữ văn Minh Trang
	3	Tin học Bá Đại	Tin học Ngọc Tuyền	Ngữ văn Trịnh Lan	KTPL Vũ Anh	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Minh Huệ	Toán Lan Phương	HĐTNHN Hà Phương	HĐTNHN Minh Trang
	4	Tin học Bá Đại	HĐTNHN Ngọc Tuyền	Toán Nguyễn Phương	Tin học Hải Tiếp	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Minh Huệ	Toán Lan Phương	Lịch sử Phạm Thủy	Công nghệ Thúy Hà
	5	HĐTNHN Bá Đại	Ngữ văn Hoàng Khuyến	HĐTNHN Nguyễn Phương	Hóa học Trần Đức	KTPL Vũ Anh	HĐTNHN Thành Nam	HĐTNHN Lan Phương	Lịch sử Phạm Thủy	Sinh học Thúy Hà

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I - KHỐI 11 (BUỔI SÁNG)

NĂM HỌC 2026 -2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ 14/9/2026)

Thứ	Tiết	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11D1	11D2	11D3
Thứ 2	1		GDTC		GDTC	GDTC	Tiếng Anh Minh Huệ	GDTC	Vật lý Trưởng Nghiêm	Ngữ văn Minh Trang
	2		GDTC		GDTC	GDTC	Toán Nguyễn Phương	GDTC	Vật lý Trưởng Nghiêm	Tiếng Anh Kiều Thắng
	3		CLB		CLB	CLB	Vật lý Thành Nam	CLB	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Kiều Thắng
	4		CLB		CLB	CLB	Vật lý Thành Nam	CLB	Toán Gia Khánh	Lịch sử Trần Thủy
	5						100		V04	405
Thứ 3	1	GDTC	Toán Lê Cường	GDTC	Ngữ văn Hoàng Khuyên	Ngữ văn Mai Linh	GDTC	Tiếng Anh Quỳnh Trang	GDTC	GDTC
	2	GDTC	Vật lý Thành Nam	GDTC	Ngữ văn Hoàng Khuyên	Ngữ văn Mai Linh	GDTC	Tiếng Anh Quỳnh Trang	GDTC	GDTC
	3	CLB	Tiếng Anh Thúy Linh	CLB	Vật lý Văn Hòa	Vật lý Thành Nam	CLB	Toán Lan Phương	CLB	CLB
	4	CLB	Sinh học Viết Thắng	CLB	Vật lý Văn Hòa	Vật lý Thành Nam	CLB	Ngữ văn Phạm Hương	CLB	CLB
	5		V02		V01	V03		V04		
Thứ 4	1	Toán Tạ Cường	Hóa học Ngọc Toàn	Vật lý Văn Hòa	Anh NN	Anh NN	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương		Toán Châu Anh
	2	Toán Tạ Cường	Hóa học Ngọc Toàn	Vật lý Văn Hòa	Anh NN	Anh NN	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương		Toán Châu Anh
	3	Hóa học Trần Đức	Anh NN	Tiếng Anh Hương Thảo	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh	Anh NN	Vật lý Văn Hòa		Anh NN
	4	Hóa học Trần Đức	Anh NN	Toán Nguyễn Phương	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh	Anh NN	Vật lý Văn Hòa		Anh NN
	5	V01	103	V02	105	603	602	V04		106
Thứ 5	1	Anh NN		Ngữ văn Trịnh Lan			Hóa học Hong Nhung	Ngữ văn Phạm Hương	Anh NN	Toán Châu Anh
	2	Anh NN		Ngữ văn Trịnh Lan			Hóa học Hong Nhung	Ngữ văn Phạm Hương	Anh NN	Ngữ văn Minh Trang
	3	Ngữ văn Phạm Hương		Hóa học Hong Nhung			Ngữ văn Trịnh Lan	Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Minh Trang
	4	Ngữ văn Phạm Hương		Hóa học Hong Nhung			Ngữ văn Trịnh Lan	Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Địa lí Diệu Thủy
	5	100		V02			603	105	103	314
Thứ 6	1	Vật lý Trưởng Nghiêm	Ngữ văn Hoàng Khuyên	Anh NN	Toán Tạ Cường	Hóa học Ngọc Toàn			Toán Gia Khánh	
	2	Toán Tạ Cường	Ngữ văn Hoàng Khuyên	Anh NN	Hóa học Trần Đức	Hóa học Ngọc Toàn			Tiếng Anh Hà Phương	
	3	Tiếng Anh Thúy Loan	Toán Lê Cường	Toán Nguyễn Phương	Hóa học Trần Đức	Toán Gia Khánh			Tiếng Anh Hà Phương	
	4	Sinh học Võ Hải	Toán Lê Cường	Toán Nguyễn Phương	Tiếng Anh Phương Anh	Tiếng Anh Quỳnh Trang			Ngữ văn Mai Linh	
	5	V01	V02	100	405	V03			V04	